

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng dự trữ	Số lượng/khối lượng yêu cầu báo giá	Đơn vị tính
1	Lưỡi cắt xoang mũi thẳng 4mm, dài 11cm	Đầu lưỡi cắt nạo dùng trong phẫu thuật xoang - Chất liệu bằng thép không gỉ - Đường kính khoảng 4 - 5 mm - Chiều dài khoảng 10 - 12 cm - Đầu tù , Thân thẳng - Mặt cắt hình răng cưa 2 bên, cắt mặt bung.	20	1	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng dự trữ	Số lượng/khối lượng yêu cầu báo giá	Đơn vị tính
		diện cắt 3 mặt - Có cổng gắn với dây nước, Kèm 01 dây nước - Tốc độ hoạt động tối thiểu 3500 vòng/phút			
2	Lưỡi cắt xoang cong 40 độ, 4mm, dài 11cm	Đầu lưỡi cắt nạo dùng trong phẫu thuật xoang - Chất liệu bằng thép không gỉ - Đường kính khoảng 4 - 5 mm - Chiều dài khoảng 10 - 12 cm - Đầu tù, thân cong 40 độ - Mặt cắt hình răng cưa 2 bên, cắt mặt bụng, diện cắt 3 mặt - Tốc độ hoạt động tối thiểu 3500 vòng/phút - Có cổng gắn với dây nước - Tiết khuẩn	10	1	Cái
3	Lưỡi cắt Amidan và nạo VA, cong 40 độ, dài 11cm	Lưỡi cắt Amidan và nạo VA, cong 40 độ, dài 11cm, có răng cưa - Thành phần cấu tạo thép không gỉ và nhựa hoặc tương đương	3	1	Cái
4	Lưỡi cắt xoang mũi thẳng 2.9mm, dài 11cm	- Lưỡi cắt xoang mũi thẳng 2,9mm, dài 11cm, có răng cưa ở 2 mặt - Thành phần cấu tạo thép không gỉ và nhựa hoặc tương đương	10	1	Cái
5	Mũi khoan tai các cỡ hình tròn, loại phá, dài 7 cm	Mũi khoan phá dùng trong phẫu thuật tai - Chất liệu thép không gỉ - Đầu mũi khoan hình tròn có rãnh - Đường kính tối thiểu phải có 1, 2, 3, 4,5 mm - Mũi khoan có chiều dài khoảng 50 - 80 mm	8	1	Cái
6	Mũi khoan tai mài kim cương các cỡ hình tròn, loại phá, dài 7 cm	Mũi khoan dùng trong phẫu thuật tai - Chất liệu thân bằng thép không gỉ - Đường kính tối thiểu phải có 1, 2, 3, 4,mm - Chiều dài khoảng 50 - 80 mm - Đầu mũi khoan hình tròn	8	1	Cái
7	Lưỡi cắt thanh quản 3.5mm	Lưỡi cắt thanh quản 3.5mm, dài 22.5cm, không có răng cưa - Thành phần cấu tạo thép không gỉ và nhựa hoặc tương đương	3	1	Cái

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Mô tả cụ thể tại [ghi rõ dẫn chiếu] trong Bảng mô tả đính kèm theo, trong đó phải ghi rõ yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các

yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Ghi theo thời gian dự kiến giao hàng, phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà thầu và thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Ghi rõ tỷ lệ tạm ứng, thanh toán hợp đồng và các điều kiện tạm ứng, thanh toán.

5. Các thông tin khác (nếu có).

(Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế; thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VTTBYT (Hà – 01b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Đức Nhã